

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **472/2023/HS-PT**

Ngày: 27/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Chí Công,

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường,

ông Nguyễn Tấn Long.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 339/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Trương Văn B bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Trương Văn B, sinh năm 1988, tại Đắk Lắk; nơi cư trú: hẻm B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn P và con bà Lê Thị Lê T; bị cáo có vợ là Bùi Lê V, sinh năm 1989 (hiện đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2022 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Võ Thị Thu H - Luật sư của Công ty L1 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: A Bà T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 7/2021, do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho người khác, B đã gọi điện thoại cho bà Vuur Thanh X (sinh năm 1979, trú tại: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) là người quen trước đây đặt vấn đề vay mượn tiền nhưng bà X yêu cầu phải có tài sản thế chấp. Sau đó, B lên mạng xã hội Facebook, thuê người (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ), B cung cấp thông tin về thửa đất cho người làm giả, người đứng tên chủ sở hữu là Trương Văn B và vợ của B là Bùi Lê V, sinh năm 1989, trú tại: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho người làm giả qua mạng xã hội Z, giá làm giả là 5.500.000 đồng. Sau đó, người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại (không xác định được số điện thoại vì thời gian diễn ra đã lâu, B không lưu số điện thoại) cho B đến ngã 6, thành phố B để trả tiền và nhận 01 GCNQSDĐ giả, số BE873016, thửa đất số 508, tờ bản đồ số 69, địa chỉ tại: xã C, thành phố B, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp ngày 23/6/2021. Ngày 19/7/2021, B đưa GCNQSDĐ giả trên thế chấp cho bà X để vay số tiền 150.000.000 đồng, khi bà X đề nghị xem thực tế thửa đất thì B đưa bà X đến xã C bur, thành phố B chỉ một thửa đất trống nói dối là thửa đất có GCNQSDĐ đã đưa cho bà X. Sau đó, B ghi giấy mượn tiền, để lại 01 GCNQSDĐ số BE873016 giả, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 bản sao Sổ hộ khẩu của B, thời hạn vay đến ngày 19/10/2021, thỏa thuận nếu B không trả tiền đúng hạn thì B chuyển Quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà X. Đến ngày 28/7/2021, B gặp bà X tiếp tục đề nghị cho B vay thêm số tiền 30.000.000 đồng, hẹn đến ngày 28/10/2021 sẽ trả đủ tiền cho bà X, B ghi giấy mượn tiền khác cộng số tiền vay trước đây thành 180.000.000 đồng. Sau khi sự việc xảy ra, vợ của B đã chuyển khoản trả bớt cho bà X 5.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 31/KLGD-PC09 ngày 29/12/2021, Phòng K thuộc Công an tỉnh Đ kết luận: Bản in (phôi giấy), hình dấu tròn Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ được làm giả bằng phương pháp in phun màu; Chữ ký mang tên Vũ Nam T1 trên GCNQSDĐ số BE873016 so với chữ ký của Vũ Nam T1 trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 31/KLGD-PC09 ngày 29/12/2021, Phòng K thuộc Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Trương Văn B” trên giấy mượn tiền mang tên Trương Văn B và Bùi Lê V, đề ngày 19/7/2021 và trên tờ giấy tập có chữ viết nội dung bắt đầu bằng các chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” và kết thúc bằng các chữ “Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm..Trương Văn B” đề ngày 28/7/2021 so với chữ ký, chữ viết họ tên “Trương Văn B” trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra; Không

đủ cơ sở kết luận chữ viết phân nội dung so với chữ viết họ tên “Trương Văn B” trên mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không do mẫu so sánh quá ít.

Đến đầu năm 2022 do cần tiền trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân nhưng bản thân không làm gì ra tiền nên Trương Văn B nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản người khác bằng cách Biễn lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm thông tin những người cho thuê xe ô tô tự lái, sau đó liên lạc rồi đưa ra các thông tin gian dối như đang là cán bộ Công an tỉnh Đ, cần thuê xe ô tô để đi công tác và lo công việc cá nhân, gia đình nhằm tạo lòng tin với người cho thuê xe. Sau khi thuê, mượn được xe ô tô, B đưa đến những người có khả năng cho vay tiền, rồi giới thiệu là xe ô tô của B đang thế chấp tại Ngân hàng để cầm cố, bán mà không được sự đồng ý của chủ phương tiện để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn nêu trên Biễn đã chiếm đoạt 07 xe ô tô của những người bị hại, cụ thể:

- Vụ thứ 1: Ngày 13/4/2022, B gặp bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1999, nơi cư trú: Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thỏa thuận thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, biển số 47A-328.24, hình thức thuê theo tháng, với giá 600.000 đồng/ngày, cứ 10 ngày trả tiền thuê xe 01 lần. Ngày 14/4/2022, B đưa xe ô tô trên đến thế chấp cho bà Đặng Hoàng Thúy V1, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số A H, phường T, thành phố B để vay số tiền 80.000.000đ. Ngày 23/6/2022, chị O phát hiện xe ô tô trên bà V1 đang sử dụng nên đã gọi cho B đến gặp và viết giấy xác nhận sự việc và lấy lại chiếc xe ô tô.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại 3, màu sơn đỏ, số máy: P520494427, số khung: RN2BN4AA6JC084760, năm sản xuất: 2018, biển số 47A-328.24, thời điểm định giá ngày 14/3/2022, trị giá: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Vụ thứ 2: Ngày 27/3/2022, B đến gặp ông Ngô Sỹ H1, sinh năm 1975, địa chỉ: Số E P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển số 47A-299.01, giá thuê là 800.000 đồng/ngày, thời gian thuê đến ngày 06/4/2022. Sau khi thuê được xe, B lấy lý do công việc chưa xong, đi công tác chưa về để gia hạn thuê xe thêm 03 lần đến ngày 27/4/2022. Sau đó, B đưa xe ô tô trên đến thế chấp cho ông Trần Ngọc Thiên P1, sinh năm: 1987 (thường gọi là Cuội), nơi cư trú: C P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (không nhớ ngày thế chấp) để vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Ngày 01/4/2022, P1 đưa chiếc xe ô tô trên cho ông Lê Đình L, sinh năm 1991, nơi cư trú: Số A C, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thuê lại với giá 10.000.000đ/tháng. Ông Lê Đình L đã tự nguyện giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu vàng, biển số 47A-299.01 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại 3, màu sơn vàng, số máy: P520274230, số khung: RN2BM5AA6FC015421, năm sản xuất: 2015, biển số 47A-299.01, thời điểm định giá ngày 27/3/2022, trị giá: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng).

- Vụ thứ 3: Ngày 08/5/2022, Biển sử dụng điện thoại gắn sim số 0966293947 gọi điện thoại cho ông Phạm Trọng T2, sinh năm 1977, nơi cư trú: Số E N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giới thiệu là Biển đang công tác trong lực lượng Công an cần thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu HuynDai Accent, biển số 47A-254.37 của ông T2 để sử dụng đi lại, ông T2 đồng ý và điều khiển xe ô tô trên đến nhà B, ký Hợp đồng cho B thuê xe ô tô trên, với giá 600.000 đồng/ngày, thời hạn thuê từ ngày 08 đến hết ngày 20/5/2022. Ngày 11/5/2022, B đưa xe ô tô trên thế chấp cho bà Chử Thị Huyền N, sinh năm 1982, nơi cư trú: Số A N, phường T, thành phố B, Đắk Lắk, để vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Bà Chử Thị Huyền N đã tự nguyện giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu HuynDai, loại xe Accent, màu sơn vàng, biển số 47A-254.37 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu HuynDai Accent, màu sơn vàng, số máy: G4LCJU067788, số khung: RLUA441BBJN008690, năm sản xuất: 2018, biển số 47A-254.37, thời điểm định giá ngày 08/5/2022, trị giá: 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng).

- Vụ thứ 4: Ngày 12/5/2022, B gọi điện thoại cho ông Lê D, sinh năm 1982, nơi cư trú: tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giới thiệu là đang công tác tại Công an tỉnh Đ và đang ở nhà riêng tại địa chỉ: H N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (thực tế đây là nhà B thuê), B muốn thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, biển số 47A – 370.47 của ông D để đi lại phục vụ công tác, giá thuê xe 700.000 đồng/ngày, thời gian thuê từ ngày 12 đến 27/5/2022. Ông D đồng ý và đưa xe ô tô trên đến nơi B ở ký Hợp đồng và giao xe. Sau khi thuê được xe, B đưa xe ô tô trên đến thế chấp cho ông Trần Ngọc Thiên P1 để lấy 60.000.000 đồng (không xác định được thời điểm). Sau đó, P1 nhờ một người tên H2 (không rõ nhân thân, lai lịch) đưa xe ô tô trên đến gửi cho anh Lương Văn C, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Anh Lương Văn C đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, biển số 47A – 370.47 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 154/KL-HĐĐGTS ngày 24/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitshubishi, loại xe Xpander, màu sơn đen, số máy: 4A91HT0001, số khung: NC1WLN002613, năm sản xuất: 2020, biển số 47A-370.47, thời điểm

định giá ngày 12/5/2022, trị giá: 415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng).

- Vụ thứ 5: Ngày 22/5/2022, B đến gặp ông Nguyễn Đức C1, sinh năm 1981, nơi cư trú: Số E N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Xpander, biển số 47A-365.94 giá thuê xe 700.000 đồng/ngày, thời gian thuê từ ngày 22 đến 26/5/2022. Ngày 25/5/2022, B đưa xe ô tô trên đến thế chấp cho bà Trần Thị S, sinh năm 1973, nơi cư trú: Số E L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Bà Trần Thị S đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Xpander, màu đen biển số 47A-365.94 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitshubishi, loại xe Xpander cross, màu sơn đen, số máy: 4A91JC0157, số khung: MK2XRNC1WLN008211, năm sản xuất: 2020, biển số 47A-365.94, thời điểm định giá ngày 22/5/2022, trị giá: 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng).

- Vụ thứ 6: Ngày 30/5/2022, B đến gặp anh Tạ Bình M H3, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tại cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái (Số C Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) nói là muốn thuê xe ô tô để đi lại và B nói là bạn của anh P2 trước đây công tác tại Công an tỉnh Đ (P quen biết anh H3) và anh P2 giới thiệu đến gặp anh H3 để thuê xe ô tô. Nghe B nói vậy, anh H3 nói “nếu là bạn của anh P2 thì em cho anh mượn đi mấy ngày không phải thuê đâu”. Sau đó, anh H3 đã đưa chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA, biển số 47A-332.59, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và Giấy chứng nhận đăng kiểm cho B mượn. Ngày 05/6/2022, B đưa xe ô tô trên thế chấp cho bà Nguyễn Thị Hoài T3, sinh năm 1963, nơi trú trú: Số D G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Hoài T3 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA, biển số 47A-332.59 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại xe Elantra, màu sơn trắng, số máy: G4NAHU618628, số khung: RLUDC41FBHN005192, năm sản xuất: 2017, biển số 47A-332.59, thời điểm định giá ngày 30/5/2022, trị giá: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Vụ thứ 7: Ngày 11/6/2022, B gặp anh Thới Ngọc T4, sinh năm 1995 và ông Thới Văn Đ, sinh năm 1966, cùng nơi cư trú: tổ dân phố D, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, để thuê xe ô tô, biển số 47A - 083.49, giá thuê xe 650.000 đồng/ngày, thời gian thuê 19 ngày. Đến ngày 22/6/2022, B thỏa thuận chuyển

nhượng chiếc xe ô tô trên cho ông Nguyễn Trường S1, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá là 140.000.000 đồng. Ngày 22/6/2022, ông S1 đã chuyển khoản cho B số tiền 80.000.000 đồng để đặt cọc cho B, hai bên có viết giấy đặt cọc, hẹn trong thời gian 30 ngày B sẽ hoàn thành thủ tục sang tên chiếc xe trên cho ông S1. Đến ngày 25/6/2022, B nói với ông S1 cần thêm số tiền 60.000.000 đồng để đóng vào Ngân hàng tất toán khoản vay để rút giấy chứng nhận đăng ký xe ra làm thủ tục sang tên thì ông S1 đã đưa tiếp cho B số tiền 60.000.000 đồng (trong đó chuyển khoản 55.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền mặt). Sau đó B và ông S1 viết gộp lại 02 lần đưa tiền thành 01 Hợp đồng đặt cọc số tiền 140.000.000 đồng (do không có mẫu mua bán xe nên ông S1 lấy Hợp đồng đặt cọc ghi nhưng thực chất là bán xe).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 132/KL-HĐĐGTS ngày 02/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA City, biển số 47A-083.49, màu sơn bạc ghi, năm sản xuất 2014, dung tích xi lanh: 1497cm³, số máy: L15A71902362, số khung: RLHGM2574EY302145, thời điểm định giá ngày 11/6/2022, trị giá: 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Từ những nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 08-6-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn B, phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trương Văn B 18 (mười tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trương Văn B 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Trương Văn B phải chấp hành là 21 (hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 30/6/2022).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2023, bị cáo Trương Văn B có Đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 46/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Trong bản luận cứ người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2023 bị cáo Trương Văn B có Đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, vào khoảng tháng 7/2021, Trương Văn B đã lên mạng xã hội Facebook (không nhớ tên tài khoản) đặt làm giả 01 GCNQSDĐ, Biễn cung cấp các thông tin về thửa đất cho đối tượng làm giả (người đứng tên chủ sở hữu là Biễn và vợ, số tờ, số thửa, diện tích, địa chỉ thửa đất thì Biễn tìm thông tin trên các trang mạng về nhà đất), với giá 5.500.000 đồng. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên từ người đàn ông không xác định được nhân thân, lai lịch, số điện thoại. Biễn đưa thế chấp cho bà Vưu Thanh X để vay, chiếm đoạt số tiền 180.000.000 đồng. Đến năm 2022, do cần tiền trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân nhưng bản thân không làm gì ra tiền nên B đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô của người khác đưa đi thế chấp, bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022, với thủ đoạn lên mạng xã hội Facebook tìm, liên hệ, rồi đưa ra thông tin gian dối đối với các chủ cho thuê xe ô tô tự lái là cần thuê xe ô tô để đi lại và giới thiệu mình là cán bộ Công an tỉnh Đ và đưa ra giấy tờ có hình của B mặc trang phục Cảnh sát nhân dân (mặc dù Biễn đã có quyết định nghỉ việc từ tháng 11/2021) làm cho những người có xe ô tô tin tưởng cho B thuê xe ô tô tự lái. Sau khi thuê được 07 xe ô tô (biển số 47A - 083.49, biển số 47A - 299.01, biển số 47A - 365.94, biển số 47A - 332.59, biển số 47A - 254.37, biển số 47A - 370.47, biển số 47A-328.24), B sử dụng đi lại một thời gian để tìm người bán hoặc thế chấp, cầm cố, có xe Biễn đưa thế chấp ngay cho người khác để lấy tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị của 07 xe ô tô nêu trên là 2.855.000.000 đồng, số tiền bà X cho B vay là 180.000.000 đồng. Tổng số tài sản Trương Văn B chiếm đoạt của 08 bị hại là 3.035.000.000 đồng (ba tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền B thu lợi bất chính từ việc thế chấp, cầm cố, bán 07 xe ô tô là 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng). Do đó,

việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những đã xâm phạm đến tài sản của nhiều người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo phạm tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một khoảng thời gian dài mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, khắc phục hậu quả cho bị hại bà Vu Thanh X số tiền 5.000.000 đồng. Do số tiền không đáng kể nên không được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn B mức án 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là phù hợp và thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là đã khắc phục số tiền 150 triệu đồng cho 07 bị hại và được những người này có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy số tiền đã bồi thường nêu trên không lớn so với trách nhiệm dân sự của bị cáo, tuy nhiên cũng thể hiện bị cáo thật sự ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Ngoài ra, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, hiện vợ đã ly hôn và có 01 con nhỏ sinh năm 2017; bà ngoại của bị cáo đã nộp thay cho bị cáo số tiền 38.630.000 đồng án phí hình sự và dân sự sơ thẩm và có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hoàn cảnh, giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; đồng thời cho bị cáo có động lực cải tạo, sớm được tái hoà nhập với cộng đồng, trở về với gia đình, thành công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm (theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Văn B, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 08-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Trương Văn B 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc Trương Văn B phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 20 (hai mươi) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 30/6/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường thêm số tiền cho các ông, bà cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê D, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 20.000.000 đồng.

2.2. Bà Nguyễn Thị Hoài T3, sinh năm 1963; địa chỉ: D G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 35.000.000 đồng.

2.3. Ông Nguyễn Đức C1, sinh năm 1981; địa chỉ: E N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 10.000.000 đồng.

2.4. Bà Đặng Hoàng Thúy V1, sinh năm 1987; địa chỉ: A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 25.000.000 đồng.

2.5. Bà Chữ Thị Huyền N, sinh năm 1981; địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 20.000.000 đồng.

2.6. Ông Nguyễn Trường S1, sinh năm 1983; địa chỉ: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 20.000.000 đồng.

2.7. Bà Trần Thị S, sinh năm 1973; địa chỉ: E L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 20.000.000 đồng.

Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu theo bản án sơ thẩm.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trương Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Đắk Lắk
(02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công